

Số: 416 /BC-UBND

P. Trần Liễu, ngày 03 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm học 2025-2026

Thực hiện Công văn số 9120/SGDDT-GDMN&GDTH ngày 27/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc báo cáo thực trạng điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Ủy ban nhân dân phường Trần Liễu báo cáo đánh giá thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác PCGDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn phường như sau:

I. Tình hình chung

Phường Trần Liễu là đơn vị hành chính mới thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập từ 03 xã, phường: An Phú, Thượng Quận, Hiệp Hoà. Sau khi thành lập; phường có diện tích tự nhiên là 23,87 km², quy mô dân số là 26.696 người với 8169 hộ, 16 tổ dân phố.

Ngành giáo dục và đào tạo phường Trần Liễu đã đạt được những thành tựu quan trọng như: Mạng lưới trường lớp và quy mô giáo dục từng bước được mở rộng, hoàn chỉnh ở tất cả các cấp học. Cơ sở vật chất các trường đã được tăng cường theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, kiên cố hóa; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ngày càng được tăng cường về số lượng và chất lượng; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường ngày càng cao; duy trì vững chắc đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; công tác xã hội hóa giáo dục đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Với những kết quả quan trọng đó, ngành giáo dục và đào tạo đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. Đánh giá thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi

1. Quy mô trường lớp, trẻ em

- Trên địa bàn phường Trần Liễu hiện có 03 trường mầm non công lập, có 57 nhóm, lớp với 1343 trẻ; trong đó:

+ Số lớp 3-4 tuổi: 11, số trẻ em 3-4 tuổi: 232.

+ Số lớp 4-5 tuổi: 14; số trẻ em 4-5 tuổi: 360.

- Tỷ lệ huy động trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi đến trường đạt 100%.

- 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày, được ăn bán trú, được phân tách đúng độ tuổi, được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nghiêm túc, có chất lượng theo Chương trình giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 - 5 tuổi.

- Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 944, ra lớp: 937; tỷ lệ: 99,25%; trong đó trẻ học tại địa bàn là 871 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 66 trẻ.

(kèm theo phụ lục I, II, III)

*** Đánh giá chung**

- *Ưu điểm:*

+ Mạng lưới trường, lớp mầm non được quy hoạch tương đối phù hợp với điều kiện địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ đến lớp.

+ Số lượng nhóm/lớp hằng năm đáp ứng cơ bản nhu cầu huy động trẻ trong độ tuổi, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi.

+ Quy mô lớp học ổn định, không có tình trạng quá tải; phần lớn các lớp đảm bảo số trẻ theo quy định.

+ Việc sắp xếp, điều chỉnh số lượng trẻ/lớp được các trường thực hiện linh hoạt, đúng hướng dẫn, góp phần duy trì hiệu quả kết quả phổ cập.

- *Hạn chế:*

Hiện nay số trẻ ra lớp nhà trẻ, mẫu giáo tăng nhưng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của phụ huynh học sinh.

2. Đội ngũ

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các trường mầm non là: 146 (cán bộ quản lý: 09; giáo viên: 134, nhân viên: 03). Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo là 100%, tỷ lệ trên chuẩn trình độ đào tạo: 92,5%.

- Số giáo viên dạy các lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi: 82 giáo viên. 100% giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi và lớp 4-5 tuổi đạt trình độ đào tạo trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non.

- Tỷ lệ giáo viên mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi trên tổng số lớp đạt trên 2 giáo viên/lớp.

- Các biện pháp thực hiện để nâng cao chất lượng đội ngũ:

+ Nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, và khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu

+ Đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để chia sẻ kinh nghiệm, rút kinh nghiệm giờ dạy và học hỏi lẫn nhau.

+ Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học.

+ Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và nguyện vọng của từng giáo viên.

+ Tăng cường kiểm tra, đánh giá giáo viên một cách công bằng, minh bạch.

*** Đánh giá chung**

- Ưu điểm:

+ Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, vững chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm; tích cực tham gia bồi dưỡng chuyên môn.

+ Giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học phong phú, hiệu quả.

- Hạn chế:

+ Một số giáo viên lớn tuổi chưa bắt kịp công nghệ thông tin và cập nhật ứng dụng phương pháp giáo dục mới.

+ Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi ăn bán trú chưa đạt 100%.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất các trường đã được tăng cường theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, kiên cố hóa. Số phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ) cho lớp mẫu giáo 3 đến 5 tuổi đạt tỷ lệ 1,0 phòng học/lớp; phòng học được xây kiên cố, an toàn, trong đó có phòng sinh hoạt chung bảo đảm diện tích tối thiểu 1,5m²/trẻ; phòng học đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.

- 100% số lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

- Sân chơi xanh, sạch, đẹp và đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh.

- Trang thiết bị: Có đủ thiết bị tối thiểu cho các hoạt động thể dục thể thao và giáo dục của nhà trường.

- Thiết bị, đồ chơi: Đảm bảo an toàn, chất lượng, bền vững và phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

- Biện pháp thực hiện để tăng cường, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu PCGDMN cho trẻ từ 3-5 tuổi:

+ Đảm bảo đủ số lượng phòng học kiên cố cho mỗi lớp mẫu giáo, thay thế các phòng tạm, phòng học nhờ.

+ Bổ sung đầy đủ đồ dùng, đồ chơi trong lớp, đồ chơi ngoài trời, thiết bị dạy học theo quy định.

+ Nâng cấp và xây mới nhà vệ sinh, bếp ăn, công trình nước sạch, đảm bảo sạch sẽ và an toàn.

+ Xây dựng không gian xanh, sạch, đẹp; tạo ra môi trường học tập và vui chơi thân thiện, an toàn và đạt chuẩn.

*** Đánh giá chung**

- **Ưu điểm:** Cơ sở vật chất được đầu tư, môi trường giáo dục đảm bảo an toàn; khuôn viên, khu vui chơi phục vụ tốt cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Hạn chế:

+ Các nhà trường còn thiếu các phòng chức năng: phòng giáo dục nghệ thuật; phòng phát triển thể chất; phòng làm quen Tiếng Anh; phòng Tin học.

+ Thiết bị dạy học các lớp đã có bộ đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư 02; tuy nhiên sau quá trình sử dụng đã hư hỏng, chưa đồng bộ dẫn đến có một số chủng loại chưa đủ bộ theo chuẩn Thông tư 02.

4. Chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

- Các cơ sở mầm non thực hiện đúng Chương trình giáo dục mầm non ban hành.

- Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng được đảm bảo, 100% trẻ được theo dõi sức khỏe và cân đo định kỳ.

- Chất lượng giáo dục được nâng lên, trẻ mạnh dạn, tự tin hơn, tỉ lệ bé chuyên cần đạt mức cao.

*** *Đánh giá chung***

- *Ưu điểm:*

+ Mạng lưới cơ sở GDMN phát triển, hệ thống trường, lớp đã và đang được mở rộng, phát triển đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu gửi trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

+ Đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục.

+ Việc duy trì cập nhật dữ liệu PCGDMN chính xác, kịp thời trên hệ thống thông tin giúp cho công tác quản lý và đánh giá định kỳ, tổng kết hàng năm được hiệu quả hơn.

- *Hạn chế:*

+ Ở một số lớp còn thiếu học liệu thực hành.

+ Một bộ phận phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc phối hợp cùng nhà trường trong chăm sóc – giáo dục trẻ.

III. Dự kiến thời gian đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Phường đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 3 đến 5 tuổi năm 2025.

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương được thực hiện thường xuyên, kịp thời; các văn bản hướng dẫn về phổ cập GDMN được triển khai đầy đủ đến từng cơ sở giáo dục.

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Số trẻ được theo dõi sức khỏe, đánh giá sự phát triển theo quy định đạt tỷ lệ cao.

- Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên ổn định, có tinh thần trách nhiệm và

thực hiện tốt chương trình GDMN; nhiều giáo viên tích cực đổi mới phương pháp, vận dụng linh hoạt theo điều kiện thực tế.

- Cơ sở vật chất các trường mầm non từng bước được đầu tư, sửa chữa; nhiều phòng học, khu vui chơi, đồ dùng, đồ chơi được bổ sung phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội có chuyển biến tích cực; phụ huynh ngày càng quan tâm đến việc cho trẻ đến trường đúng độ tuổi và tham gia cùng nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

2. Hạn chế

- Việc cập nhật số liệu phổ cập trên hệ thống đôi lúc còn chậm; công tác rà soát, đối chiếu thông tin ban đầu còn sai sót nhỏ, phải điều chỉnh nhiều lần.

- Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong ứng dụng công nghệ thông tin.

- Công tác xã hội hóa giáo dục chưa đạt hiệu quả cao; nguồn hỗ trợ cho việc nâng cấp cơ sở vật chất còn hạn chế.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị bổ sung nguồn kinh phí chi cho công tác điều tra, thống kê lập hồ sơ PCGD, XMC; chế độ công tác phí cho cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công tác PCGD, XMC.

- Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt về ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ giáo viên.

Ủy ban nhân dân phường Trần Liễu báo cáo thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác công tác PCGD, XMC cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi, năm học 2025-2026 để Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố;
- CT, PCT UBND phường;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kha

